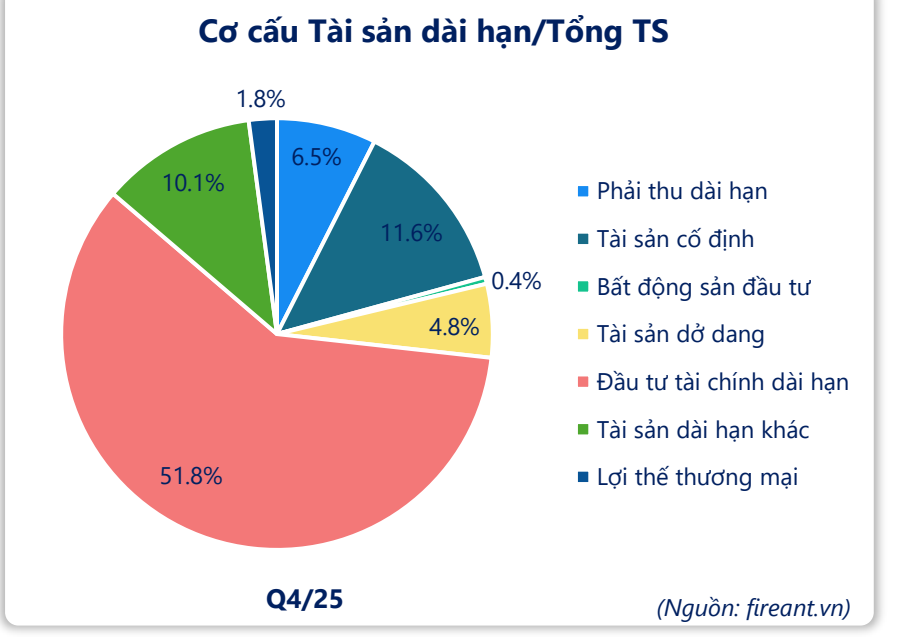
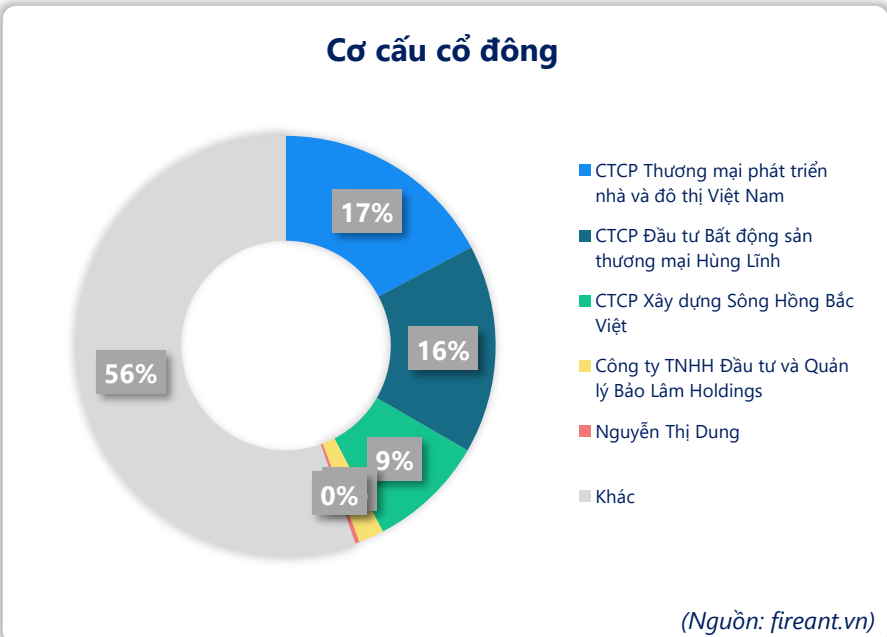
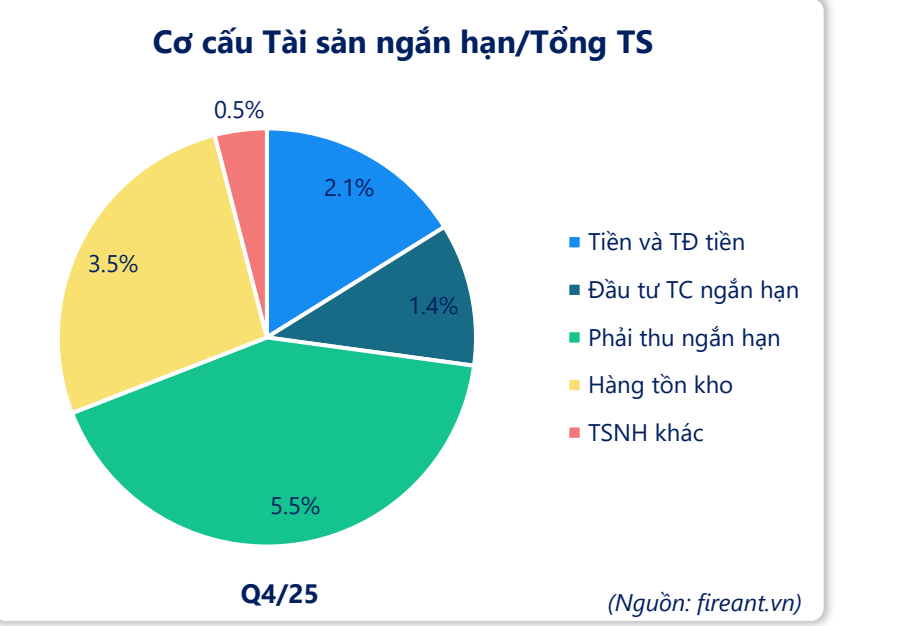
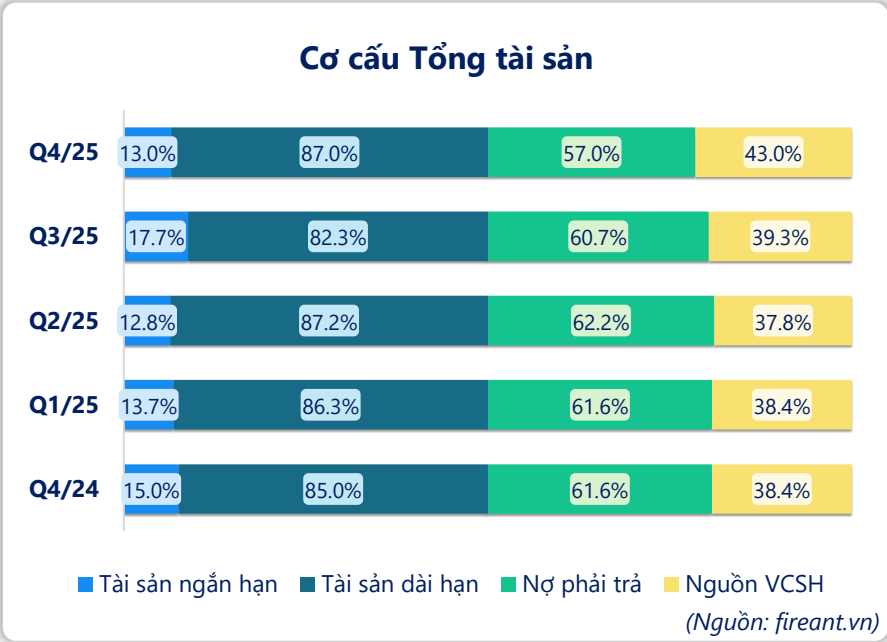
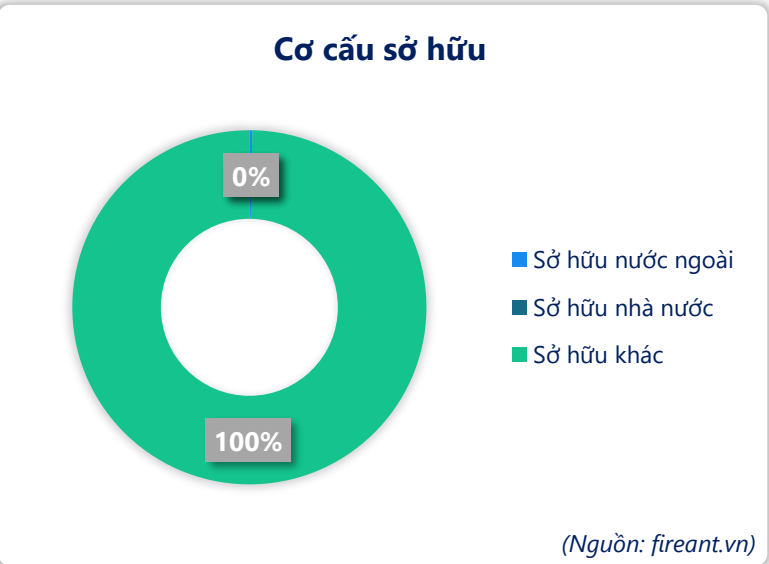
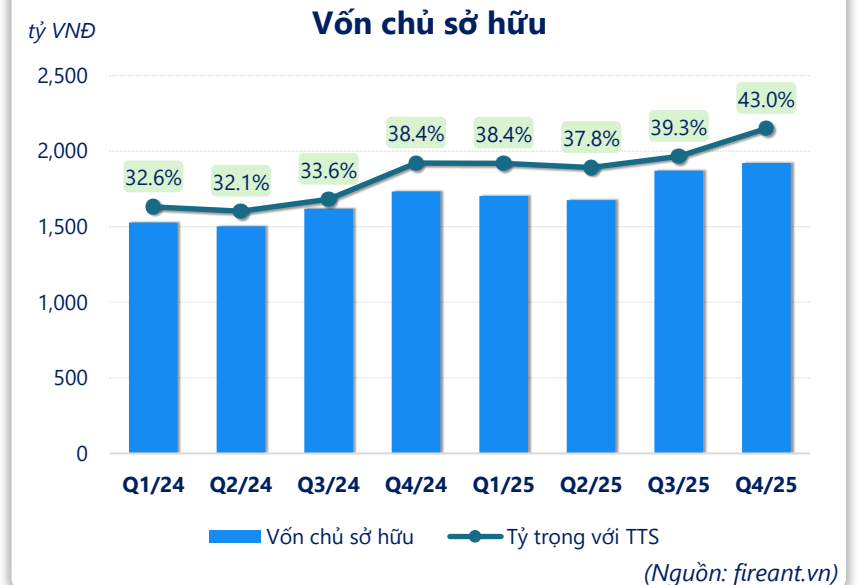
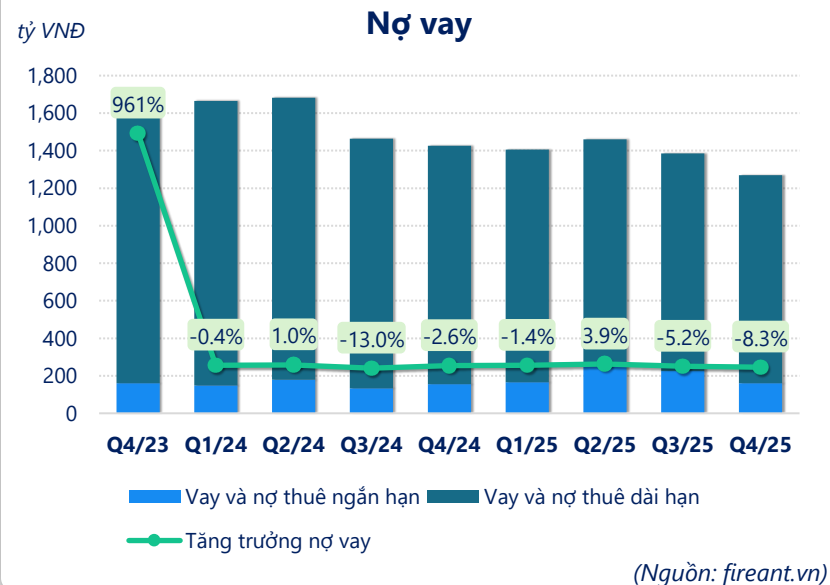
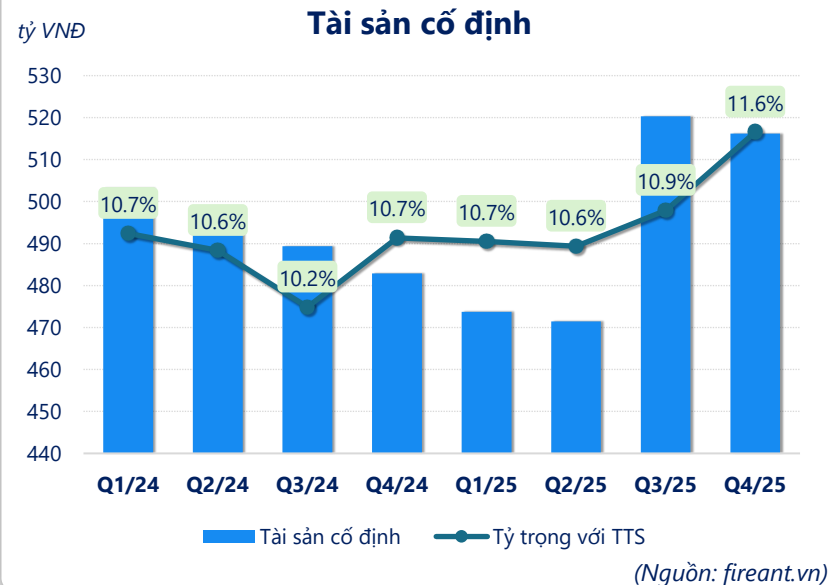
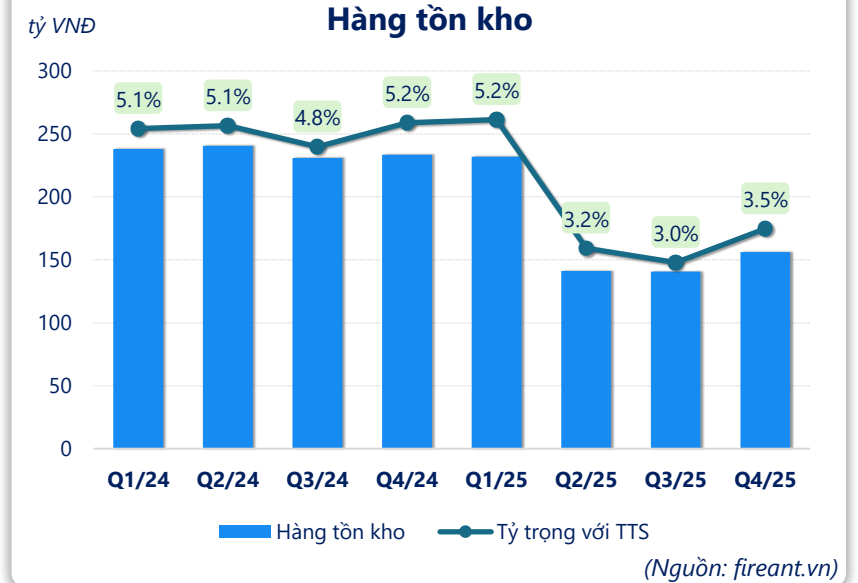
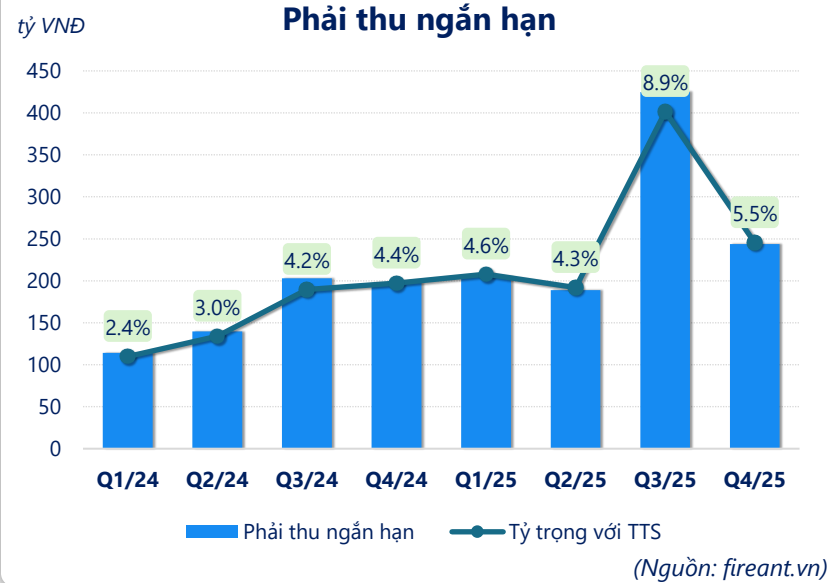
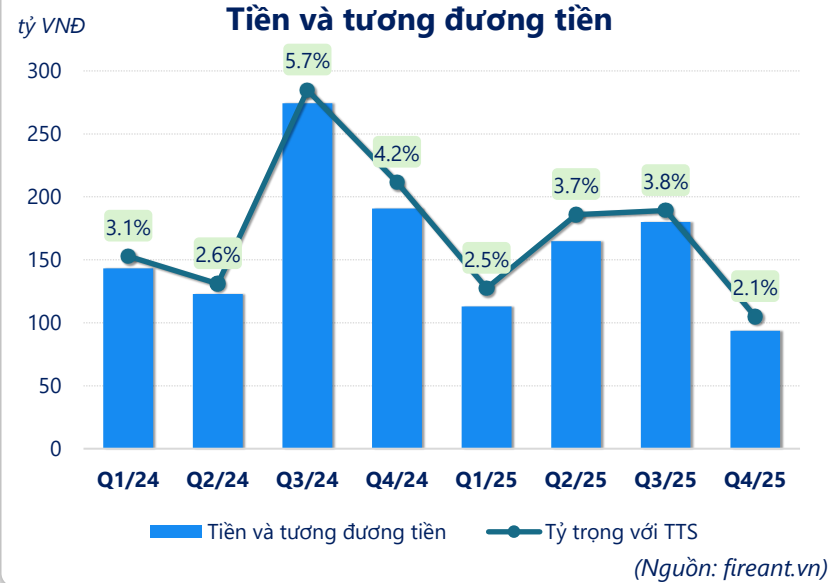
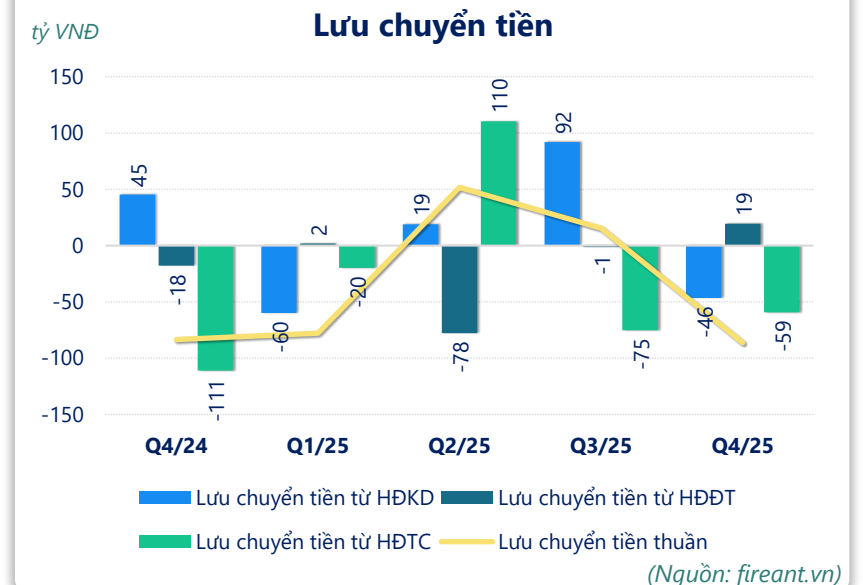
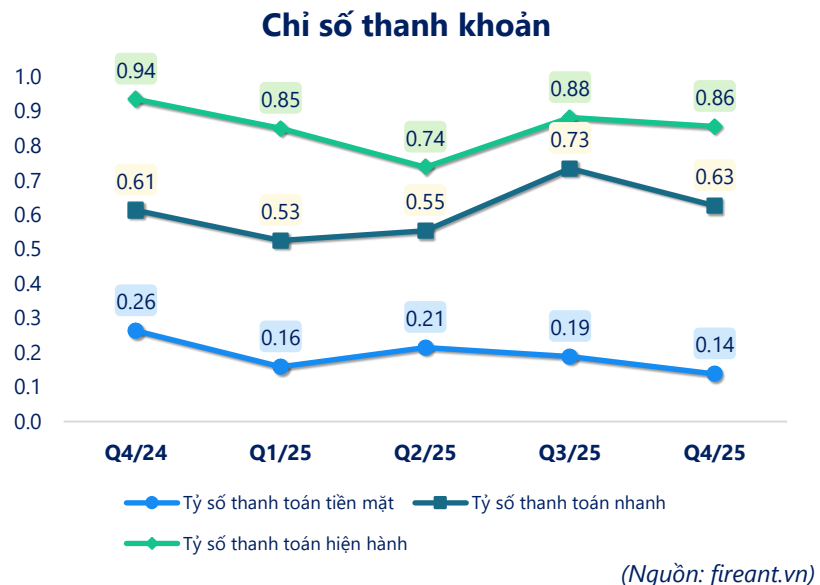
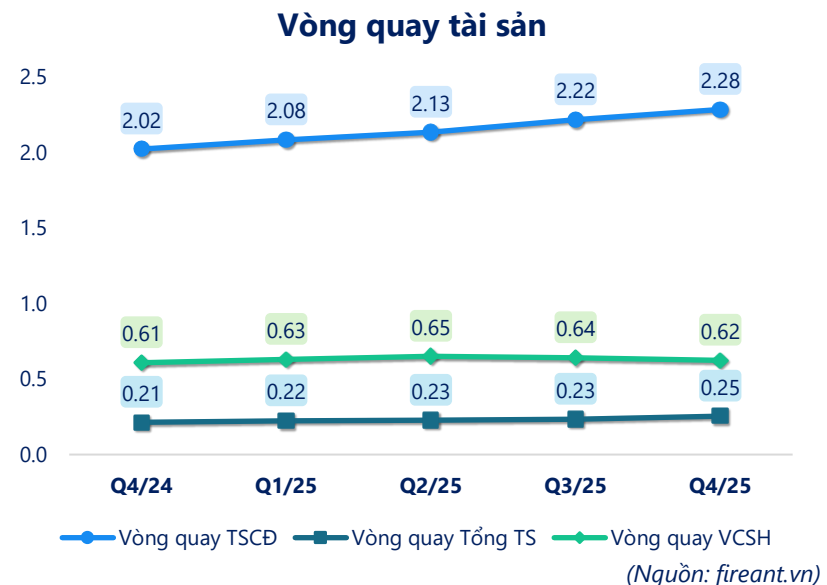
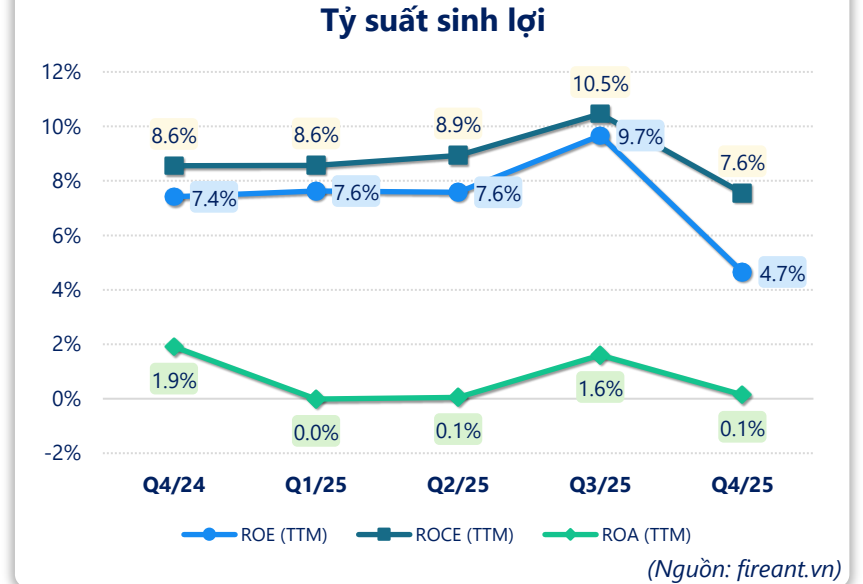
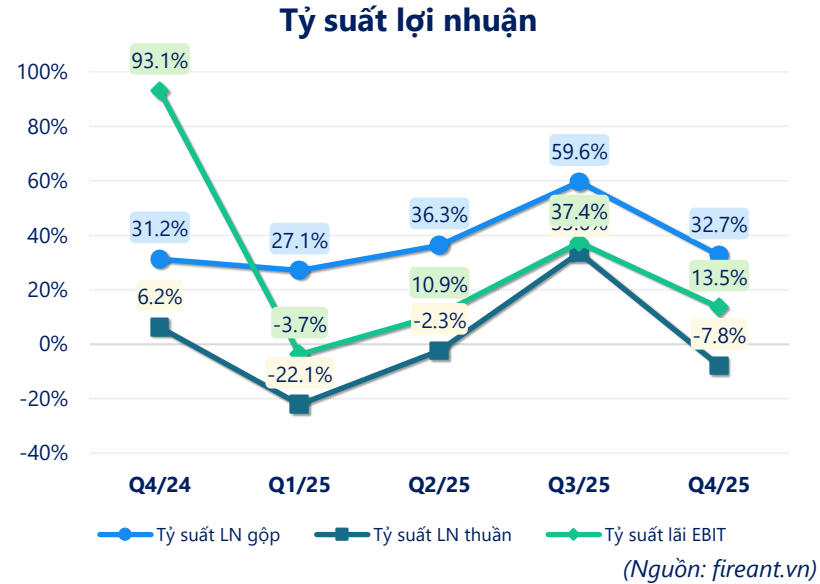
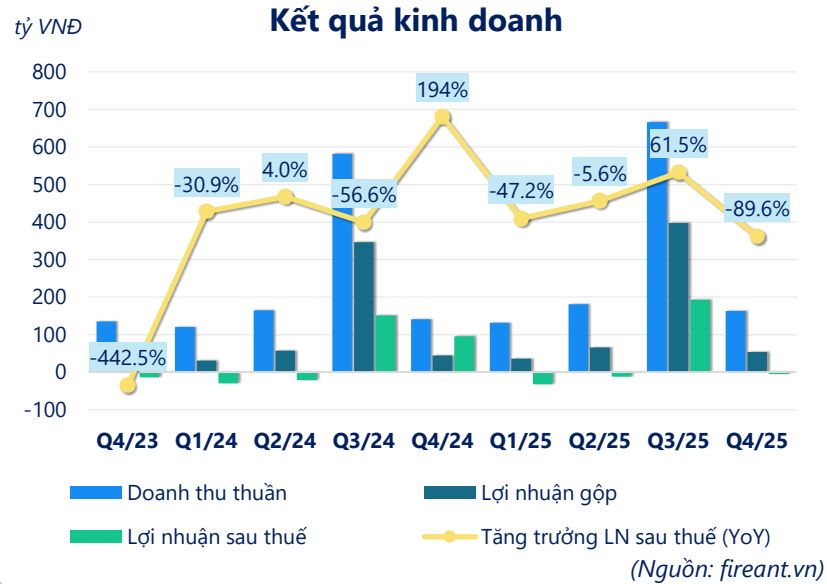


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,640
SL cổ phiếu LH		300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		533,220
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,110
P/E		13.1
EPS		283

	YTD	1T	3T	6T
OGC	-11.1%	-10.2%	-10.8%	-12.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,469	4,509	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	581	676	-14.1%
Tiền và tương đương tiền	93.7	191	-50.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.0	32.7	95.6%
Phải thu ngắn hạn	244	197	23.6%
Hàng tồn kho	156	233	-33.1%
Tài sản ngắn hạn khác	23.4	22.3	4.6%
Tài sản dài hạn	3,888	3,832	1.5%
Phải thu dài hạn	290	324	-10.4%
Tài sản cố định	516	483	6.9%
Bất động sản đầu tư	20.0	21.2	-5.7%
Tài sản dở dang	214	214	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,314	2,293	0.9%
Tài sản dài hạn khác	452	465	-2.7%
Lợi thế thương mại	81.7	32.1	154%
Nợ phải trả	2,547	2,774	-8.2%
Nợ ngắn hạn	679	724	-6.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	160	155	3.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.8	28.6	4.3%
Nợ dài hạn	1,869	2,050	-8.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,110	1,270	-12.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,922	1,735	10.8%
Vốn chủ sở hữu	1,922	1,735	10.8%
Vốn điều lệ	3,000	3,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	140	131	181	666	163
Giá vốn hàng bán	96.5	95.5	115	269	110
Lợi nhuận gộp	43.8	35.5	65.7	397	53.2
Doanh thu HĐTC	4.94	2.39	2.73	3.22	5.06
Chi phí TC	27.0	26.0	27.7	27.6	26.1
Chi phí lãi vay	27.7	26.8	27.1	28.1	26.1
LN trong công ty LKLD	12.4	10.7	11.3	10.5	13.1
Chi phí bán hàng	28.2	26.3	27.8	126	29.1
Chi phí QLDN	-2.70	25.2	28.4	34.0	28.9
LN thuần từ HĐKD	8.74	-29.0	-4.23	224	-12.8
Lợi nhuận khác	94.1	-2.71	-3.18	-2.81	8.63
LN trước thuế	103	-31.7	-7.41	221	-4.13
Lợi nhuận sau thuế	95.3	-32.6	-12.4	192	-4.90
LNST của CĐ cty mẹ	89.9	-0.46	2.51	76.7	6.30

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.2	-59.9	19.0	91.9	-46.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.8	1.87	-77.7	-1.21	19.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-111	-19.8	110	-75.3	-59.3
Tiền đầu kỳ	274	191	113	165	180
Lưu chuyển tiền thuần	-83.5	-77.8	51.7	15.4	-86.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.06	-0.06	0
Tiền cuối kỳ	191	113	165	180	93.7

(Nguồn: fireant.vn)